

Bản án số: 218/2025/HN-ST

Ngày: 21/8/2025

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lương Viễn Tú

2/ Bà Lâm Ngọc Minh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại cơ sở 2 Toà án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, về việc “TrA chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QDDST-HN ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N N U N, sinh năm 2002; số CCCD: 060302005586 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 03/7/2022.

Địa chỉ cư trú: x A, t B, x C, tỉnh Lâm Đồng(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông L N B, sinh năm 1999, số CCCD: 079099014032 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 09/11/2021.

Địa chỉ cư trú: 37F/1A đường A , phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N N U N trình bày:

Bà và ông L N B tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã Q , huyện O, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/03/2022.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sau đó có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi to tiếng qua lại. Ông B ham chơi, nhất là vào thời điểm bà N sinh con và chăm con nhỏ, Ông B thường đi chơi qua đêm, không quan tâm đến vợ con. Gia đình khó khăn nhưng Ông B lại không lo làm ăn, không chịu đi làm. Đồng thời, mỗi lần cãi nhau thì Ông B còn đánh bà N. Vợ chồng nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tháng 9/2023, bà N đã đưa con về mẹ ruột sinh sống. Từ đó đến nay, Ông B không liên lạc hay tìm về nhà mẹ ruột bà N để thăm con cũng như muốn hàn gắn. Nay, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà N đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3-Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ L N H A, (nam, sinh ngày 23/4/2022). Bà N xin trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H A. Bà N không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi trẻ A.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn là ông L N B đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng Ông B không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

[4] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến nhận xét về việc Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án còn chậm tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N N U N.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo

quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết và việc xác định quan hệ trA chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà N N U N yêu cầu được ly hôn với ông L N B là trA chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông L N B có nơi cư trú tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1, Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề ngày 30/6/2025 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là ông L N B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/03/2022, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N N U N và ông L N B là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông B và bà N kết hôn năm 2022. Theo bà N, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc đến khi sinh con thì xảy ra mâu thuẫn do bất hoà về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay bà N không còn tình cảm với Ông B, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà N yêu cầu ly hôn với Ông B.

Xét thấy, giữa bà N và Ông B sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Hơn 01 (một) năm nay bà N và Ông B không chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm nhau. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài trong cuộc sống, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn thương yêu chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó việc bà N N U N yêu cầu ly hôn với ông L N B là có cơ sở, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L N B.

[3.3] Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 73 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Z, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/5/2022 có cơ sở để xác định bà N N U N và ông L N B có 01 con chung tên là L N H A, (nam, sinh ngày 23/4/2022).

Xét, từ khi sinh ra đến nay trẻ L N H A ở với mẹ. Bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, thương yêu bé H A. Nay ly hôn, bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng trẻ H A và không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao trẻ L N H A, (nam, sinh ngày 23/4/2022) cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở và ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.4] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà N N U N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà N N U N.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N N U N được ly hôn với ông L N B. Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/03/2022 không còn giá trị.

[1.2] Về con chung: bà N N U N và ông L N B có 01 con chung tên là L N H A, (nam, sinh ngày 23/4/2022). Giao trẻ L N H A, (nam, sinh ngày 23/4/2022) cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.3] Tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí: bà N N U N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050622 ngày 25/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã đóng đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Bà N N U N và ông L N B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 3 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- THADS Khu vực 3- TP.HCM;
- Dương sự
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**